

HY-256/306/606/606N

Thông số kỹ thuật

Mã hàng	HY-256	HY-306	HY-606	HY-606N
Hình dạng ngoài				
Điện áp sử dụng	110 V A.C, 220 V A.C 12 V D.C, 24 V D.C			
Công suất tiêu thụ	Khoảng 4 VA: HY-256-1, HY-256-2, HY-306-1, HY-306-2 Tối đa 30 mA: HY-256-12, HY-256-24, HY-306-12, HY-306-24		Khoảng 8 VA: HY-606-1, HY-606N-1, HY-606-2, HY-606N-2 Tối đa 30 mA: HY-606-12, HY-606N-12, HY-606-24, HY-606N-24	
Chu kỳ	50/60 Hz (cho 110 V A.C, 220 V A.C)			
Âm lượng	85 dB (1 m) * HY-606-12, HY-606N-12, HY-606-24, HY-606N-24: 80 dB (1 m)			
Đường kính ngoài	Ø25	Ø30	Mặt chữ nhật, gắn chìm (Ø66)	Mặt chữ nhật, gắn nổi (Ø80)

Mã đặt hàng

Mã hàng	Ký hiệu	Thông tin
HY-	☐ ☐	Còi báo
Kích thước	256	Ø25
	306	Ø30
	606	Mặt chữ nhật, gắn chìm (Cho Ø 66)
	606N	Mặt chữ nhật, gắn nổi (80)
Điện áp	1	110 V A.C 50/60 Hz
	2	220 V A.C, 50/60 Hz
	12	12 V D.C
	24	24 V D.C

HY-606MD/606MA

Thông số kỹ thuật

Mã hàng	HY-606MD	HY-606MA
Kích thước		
Điện áp	12 / 24 V D.C	110 / 240 V A.C
Công suất tiêu thụ	2.5 W	
Chu kỳ	-	50/60 Hz
Âm lượng	Tối đa 98 dB	
Đường kính ngoài	Ø 66	

Mã đặt hàng

Mã hàng	Ký hiệu	Thông tin
HY-606	☐	Còi báo giai điệu, 4 kiểu
Điện áp nguồn	MD	12 / 24 V D.C
	MA	110 / 220 V A.C

HY-226M/256

Thông số kỹ thuật

Mã hàng	HY-226MD/MA	HY-256MD/MA
Kích thước		
Điện áp nguồn	100-240 V A.C 50/60 Hz / 12 V D.C, 24 V D.C	100-240 V A.C 50/60 Hz / 12 V D.C, 24 V D.C
Công suất tiêu thụ	0.6 W / 13.5 W	0.6 W / 13.5 W
Chu kỳ	50/60 Hz	50/60 Hz
Âm lượng	80 dB	80 dB
Đường kính ngoài	Ø22 / Ø25	Ø25

Mã đặt hàng

Mã hàng	Ký hiệu	Thông tin
HY-	☐ ☐	Còi báo, 3 kiểu
Kích thước	226	Ø22 / Ø25 đều lắp được (Mặt trước : Loại chữ nhật)
	256	Gắn với Ø25 (Mặt trước : Loại tròn)
Điện áp nguồn	MD	12-24 V D.C
	MA	100-240 V A.C 50/60 Hz



www.npower.com.vn

Tài liệu được tổng hợp bởi đội ngũ kỹ thuật của **NPOWER**

Bản quyền nội dung thuộc về công ty **Hanyoung Nux**

Powered by **NAVITECH** | www.navitech.co



HY-256/306/606

Small, lightweight, high-capacity buzzers with powerful sound

h Suffix code

Category	Code		Description
HY	- □	□	Buzzer with strong sound
Appearance	256		For Ø25
	306		For Ø30
	606		Recessed rectangular panel type (for Ø66)
	606N		Exposed rectangular panel type (for □80)
Power voltage		1	110 V a.c. 50/60 Hz
		2	220 V a.c. 50/60 Hz
		12	12 V d.c.
		24	24 V d.c.

h Type

Appearance	Power voltage	Model
For Ø25	110 V a.c. 50/60 Hz	HY-256-1
	220 V a.c. 50/60 Hz	HY-256-2
	12 V d.c.	HY-256-12
	24 V d.c.	HY-256-24
For Ø30	110 V a.c. 50/60 Hz	HY-306-1
	220 V a.c. 50/60 Hz	HY-306-2
	12 V d.c.	HY-306-12
	24 V d.c.	HY-306-24
Recessed rectangular panel type (for Ø66)	110 V a.c. 50/60 Hz	HY-606-1
	220 V a.c. 50/60 Hz	HY-606-2
	12 V d.c.	HY-606-12
	24 V d.c.	HY-606-24
Exposed rectangular panel type (For □80)	110 V a.c. 50/60 Hz	HY-606N-1
	220 V a.c. 50/60 Hz	HY-606N-2
	12 V d.c.	HY-606N-12
	24 V d.c.	HY-606N-24

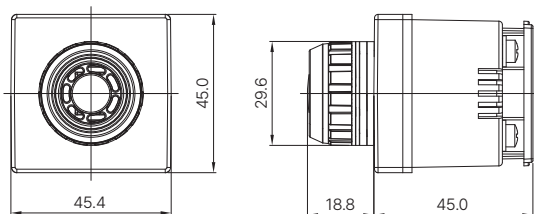
Specifications

Category	HY-256	HY-306	HY-606	HY-606N
Appearance				
Power voltage	110 V a.c., 220 V a.c. 12 V d.c., 24 V d.c.			
Power consumption	· Approximately 4 VA: HY-256-1, HY-256-2, HY-306-1, HY-306-2 · 30 mA max. : HY-256-12, HY-256-24, HY-306-12, HY-306-24		· Approximately 8 VA : HY-606-1, HY-606N-1, HY-606-2, HY-606N-2 · 30 mA max. : HY-606-12, HY-606N-12, HY-606-24, HY-606N-24	
Power frequency	50/60 Hz (at 110 V a.c., 220 V a.c.)			
Volume	85 dB (at 1 m distance)		85 dB (at 1 m distance) ※ 80 dB for HY-606-12, HY-606N-12, HY-606-24, HY-606N-24	
Insulation resistance	100 MΩ (500 V d.c. insulation resistance tester)			
Dielectric strength	1,000 V a.c. 1 minute (between charging and non-charging sections)			
Ambient temperature/ humidity	-10 to 55 °C, 45 to 85% RH			
Outer diameter	For Ø25	For Ø30	Recessed rectangular panel type (for Ø66)	Exposed rectangular panel type (for □80)

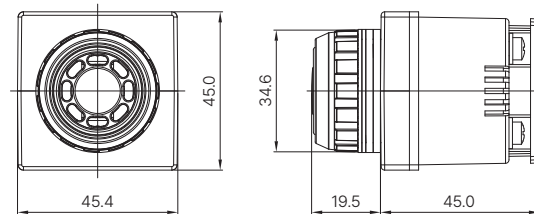
External dimensions

[Unit: mm]

■ HY-256

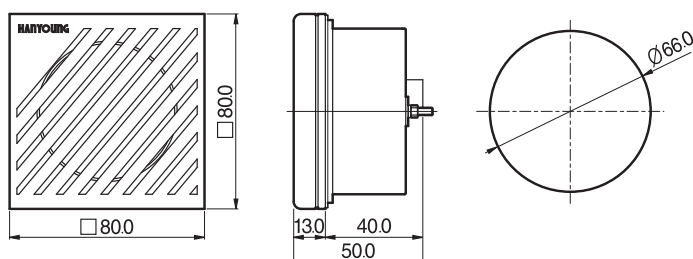


■ HY-306



Model	A	B	C	Panel cutout dimensions
HY-256	Ø31	27.5	74	Ø25.5 ^{+0.5} ₀
HY-306	Ø36	27.5	74	Ø30.5 ^{+0.5} ₀

■ HY-606



■ HY-606N

